

Số: 12/2023/QĐST-TCDS

Ba Đồn, ngày 01 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm e Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST-TCDS ngày 21 tháng 3 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị M, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L - Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ Ngân hàng TMCP A;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Dương Đức Th - Nhân viên xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số 257 Trần Hưng Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1974 và Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh

năm 1978; địa chỉ: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị Bích Th hiện còn nợ Ngân hàng TMCP A theo các Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.739.060218 ngày 06/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BDN.CN.739.060218/SĐBS-01 ngày 29/9/2021; Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.1780.270219 ngày 28/02/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BDN.CN.1780.270219/SĐBS-01 ngày 29/9/2021; Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.907.070420 ngày 07/4/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BDN.CN.907.070420/SĐBS-01 ngày 29/9/2021; Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.378.180321 ngày 19/3/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BDN.CN.378.180321/SĐBS-01 ngày 29/9/2021; Hợp đồng cấp tín dụng số BDN.CN.2817.020621 ngày 04/6/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BDN.CN.2817.020621/SĐBS-01 ngày 29/9/2021; tính đến ngày 24/7/2023 với tổng số tiền là 5.932.843.699 đồng (*Năm tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng*); trong đó: dư nợ gốc là 4.803.970.500 đồng, dư nợ lãi trong hạn là 673.781.449 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 447.201.740 đồng và phạt chậm trả lãi là 7.890.010 đồng.

2.2. Cam kết trả nợ: Ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị Bích Th chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ nói trên và lãi phát sinh cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP A theo lộ trình như sau:

- + Kỳ thứ nhất, ngày 30/8/2023, trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;
- + Kỳ thứ hai, ngày 30/9/2023, trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;
- + Kỳ thứ ba, ngày 30/10/2023, trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;
- + Kỳ thứ tư, ngày 30/11/2023, trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;
- + Kỳ thứ năm, ngày 30/12/2023, trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng;
- + Kỳ thứ sáu, ngày 30/01/2024, tất toán toàn bộ khoản vay về số nợ gốc còn lại, lãi, phạt chậm trả lãi và số tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên, kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thực tế trả hết nợ tại Ngân hàng.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị Bích Th vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu ông L, bà Th thanh toán ngay toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 9 tại khu phố 6, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI894129 do Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/10/2017 mang tên ông Nguyễn Thế L, bà Nguyễn Thị Bích Th; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BDN.BĐCN.282.060218 ngày 06/02/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

BDN.BĐCN.282.060218/SĐBS-01 ngày 28/02/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BDN.BĐCN.282.060218/SĐBS-02 ngày 07/4/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BDN.BĐCN.282.060218/SĐBS-03 ngày 05/6/2021 để thu hồi nợ.

2.4. Về án phí: ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị Bích Th chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền được làm tròn số là 56.966.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Ông L và bà Th chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP TMCP A không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.733.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003563 ngày 21/3/2023.

2.5. Về chi phí tố tụng: số tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản hết 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị Bích Th chịu toàn bộ; do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị Bích Th có trách nhiệm trả lại số tiền 6.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức